

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG TRỤ SỞ CHÍNH**

DANH SÁCH ỨNG VIÊN DỰ THI

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
1	Ngô Thị Thảo	Anh	08/02/2000	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.001	201
2	Kiều Thị Vân	Anh	01/05/1994	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.002	201
3	Hồ Thế	Anh	18/12/1997	Nam	VT38 - Chuyên viên Phòng Kinh doanh vốn	VT38.01.003	201
4	Lê Thùy	Dương	22/11/2000	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.004	201
5	Nguyễn Xuân	Dương	10/10/2000	Nam	VT38 - Chuyên viên Phòng Kinh doanh vốn	VT38.01.005	201
6	Nguyễn Ánh	Dương	20/01/1995	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.006	201
7	Nguyễn Thị Hương	Giang	24/12/1984	Nữ	VT37 - Phó Trưởng phòng Phòng Kinh doanh vốn	VT37.01.007	201
8	Đặng Thu	Hoài	10/10/1996	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.008	201
9	Tô Khánh	Huyền	14/02/1997	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.009	201
10	Vũ Nhật	Linh	16/08/1999	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.010	201
11	Lê Thùy	Linh	08/04/1993	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.011	201
12	Trần Xuân	Lương	15/11/2000	Nam	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.012	201
13	Nguyễn Nhật	Minh	08/04/1995	Nam	VT21 - Chuyên viên phân tích định lượng	VT21.01.013	201
14	Nguyễn Hà	My	24/07/1991	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.014	201
15	Phạm Thúy	Nga	23/06/1991	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.015	201
16	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	07/01/1998	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.016	201
17	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/01/1991	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.017	201
18	Nguyễn Quốc	Triệu	16/12/1994	Nam	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.018	201
19	Phùng Minh	Tuấn	01/04/1995	Nam	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.019	201
20	Lê Thu	Uyên	28/10/2000	Nữ	VT20 - Chuyên viên quản lý tài sản Nợ - tài sản Có	VT20.01.020	201
21	Nguyễn Linh	Chi	30/12/1996	Nữ	VT31 - Chuyên viên Quản lý rủi ro Hoạt động	VT31.02.021	201
22	Ngô Thị Mai	Hiên	13/10/1989	Nữ	VT31 - Chuyên viên Quản lý rủi ro Hoạt động	VT31.02.022	201
23	Vũ Thúy	Hồng	02/08/1988	Nữ	VT31 - Chuyên viên Quản lý rủi ro Hoạt động	VT31.02.023	201
24	Phạm Thu	Hương	07/09/1988	Nữ	VT31 - Chuyên viên Quản lý rủi ro Hoạt động	VT31.02.024	201
25	Nguyễn Thị Thu	Trang	16/10/1998	Nữ	VT30 - Chuyên viên Quản lý rủi ro thị trường	VT30.02.025	201
26	Trần Văn	Giàu	03/02/1994	Nam	VT16 - Chuyên viên quản lý, giám sát công ty chứng khoán	VT16.03.026	202
27	Hồ Thị	Hồng	19/05/1997	Nữ	VT15 - Chuyên viên quản lý, giám sát công ty bảo hiểm	VT15.03.027	202
28	Phạm Thị	Thủy	20/06/1994	Nữ	VT16 - Chuyên viên quản lý, giám sát công ty chứng khoán	VT16.03.028	202
29	Nguyễn Cao Đức	Anh	07/12/2000	Nam	VT27 - Chuyên viên chính sách Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	VT27.04.029	202

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
30	Đinh Thị Quỳnh	Anh	12/11/1985	Nữ	VT28 - Chuyên viên quản trị danh mục Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	VT28.04.030	202
31	Đặng Vũ Phương	Chi	01/08/1994	Nữ	VT27 - Chuyên viên chính sách Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	VT27.04.031	202
32	Phạm Thùy	Dung	27/10/1987	Nữ	VT27 - Chuyên viên chính sách Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	VT27.04.032	202
33	Lã Minh	Huyền	12/10/1984	Nữ	VT28 - Chuyên viên quản trị danh mục Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	VT28.04.033	202
34	Bùi Minh	Khánh	12/09/1990	Nam	VT28 - Chuyên viên quản trị danh mục Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	VT28.04.034	202
35	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	19/08/1991	Nữ	VT27 - Chuyên viên chính sách Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	VT27.04.035	202
36	Dương Thị Hồng	Nhung	04/06/1995	Nữ	VT28 - Chuyên viên quản trị danh mục Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	VT28.04.036	202
37	Trần Hải	Yến	05/09/1995	Nữ	VT27 - Chuyên viên chính sách Phòng Quản lý rủi ro tín dụng	VT27.04.037	202
38	Trần Tú	Anh	25/08/1996	Nữ	VT35 - Chuyên viên Phòng Swift	VT35.05.038	202
39	Nguyễn Hải	Bằng	28/01/1993	Nam	VT35 - Chuyên viên Phòng Swift	VT35.05.039	202
40	Phạm Tiến	Đạt	29/01/2000	Nam	VT39 - Chuyên viên Phòng Kinh doanh ngoại tệ và Phái sinh	VT39.05.040	202
41	Phùng Thị Khánh	Huyền	02/12/1996	Nữ	VT39 - Chuyên viên Phòng Kinh doanh ngoại tệ và Phái sinh	VT39.05.041	202
42	Nguyễn Thị Minh	Khuê	10/06/2000	Nữ	VT39 - Chuyên viên Phòng Kinh doanh ngoại tệ và Phái sinh	VT39.05.042	202
43	Đào Khánh	Ly	16/11/1999	Nữ	VT39 - Chuyên viên Phòng Kinh doanh ngoại tệ và Phái sinh	VT39.05.043	202
44	Đỗ Xuân	Phương	19/02/1996	Nam	VT39 - Chuyên viên Phòng Kinh doanh ngoại tệ và Phái sinh	VT39.05.044	202
45	Trần Thu	Phương	17/01/1994	Nữ	VT41 - Chuyên viên Phòng Tổng hợp và kiểm soát tuân thủ	VT41.05.045	202
46	Đỗ Minh	Quân	31/10/1986	Nam	VT39 - Chuyên viên Phòng Kinh doanh ngoại tệ và Phái sinh	VT39.05.046	202
47	Đỗ Minh	Quang	25/04/1994	Nam	VT35 - Chuyên viên Phòng Swift	VT35.05.047	202
48	Nguyễn Thị	Thảo	05/09/1996	Nữ	VT35 - Chuyên viên Phòng Swift	VT35.05.048	202
49	Nguyễn Phi	Việt	26/11/1998	Nam	VT39 - Chuyên viên Phòng Kinh doanh ngoại tệ và Phái sinh	VT39.05.049	202
50	Nguyễn Văn	Anh	14/12/1982	Nam	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.050	203
51	Trịnh Thị Mai	Anh	10/09/2000	Nữ	VT32 - Chuyên viên quản lý nợ có vấn đề	VT32.06.051	203
52	Phạm Thị	Ánh	18/03/1997	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.052	203
53	Nguyễn Quang	Dũng	08/08/1985	Nam	VT32 - Chuyên viên quản lý nợ có vấn đề	VT32.06.053	203
54	Nguyễn Tuấn	Giáp	24/11/1994	Nam	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.054	203
55	Nguyễn Hoàng	Hà	25/10/2000	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.055	203
56	Bùi Thanh	Hải	22/11/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.056	203
57	Khổng Mạnh	Hiền	03/04/1998	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.057	203
58	Nguyễn Văn	Hùng	20/05/1989	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.058	203
59	Dương Lê Huyền	Linh	24/05/1999	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.059	203
60	Mai Ngọc	Linh	02/09/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.060	203
61	Vũ Thu	Ngân	16/12/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.061	203
62	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	05/06/2000	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.062	203
63	Nguyễn Quang	Nghĩa	01/07/1992	Nam	VT32 - Chuyên viên quản lý nợ có vấn đề	VT32.06.063	203

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
64	Đỗ Hà Minh	Ngọc	08/06/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.064	203
65	Phạm Thị	Nguyệt	09/01/1991	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.065	203
66	Hà Thị Phương	Nhung	12/05/1988	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.066	203
67	Nguyễn Thị	Nhường	02/02/1992	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.067	203
68	Nguyễn Minh	Phú	22/05/1992	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.068	203
69	Lương Ngọc	Son	19/07/2000	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.069	203
70	Đào Thị	Tâm	03/02/1989	Nữ	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.070	203
71	Phạm Đức	Tâm	17/08/1996	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.071	203
72	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	05/05/1988	Nữ	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.072	203
73	Mai Thị Thu	Thủy	06/01/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.073	203
74	Bùi Thị Thu	Trà	22/09/1996	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.074	203
75	Nguyễn Thu	Trang	04/01/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.075	203
76	Mai Huyền	Trang	02/09/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.076	203
77	Nguyễn Kiên	Trung	01/10/1987	Nam	VT32 - Chuyên viên quản lý nợ có vấn đề	VT32.06.077	203
78	Nguyễn Thị	Tuyết	09/11/1996	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.078	203
79	Lê Đức	Việt	04/07/2000	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.079	203
80	Nguyễn Phương	Anh	25/10/1999	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.080	204
81	Nguyễn Thị Lan	Anh	28/10/1991	Nữ	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.081	204
82	Bùi Mai	Anh	08/10/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.082	204
83	Phạm Đình	Chung	05/04/1989	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.083	204
84	Nguyễn Thị Thùy	Dung	18/12/1987	Nữ	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.084	204
85	Đỗ Thị	Hiền	19/04/1995	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.085	204
86	Trần Thị Phương	Hoa	17/11/1996	Nữ	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.086	204
87	Nguyễn Ánh	Hoàn	05/02/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.087	204
88	Phạm Thị Thanh	Huệ	26/08/1984	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.088	204
89	Vũ Cảnh	Hung	21/05/1990	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.089	204
90	Vũ Khánh	Huyền	12/03/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.090	204
91	Trần Thị	Huyền	17/06/1997	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.091	204
92	Trần Thị Thanh	Huyền	16/02/1993	Nữ	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.092	204
93	Nguyễn Thị	Lê	01/05/1994	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.093	204
94	Nguyễn Thùy	Linh	26/07/1992	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.094	204
95	Phan Thùy	Linh	18/01/2000	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.095	204

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
96	Nguyễn Khánh	Linh	16/10/1996	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.096	204
97	Đặng Lưu	Ly	04/12/1996	Nữ	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.097	204
98	Đặng Thanh	Mai	25/12/2000	Nữ	VT10 - Chuyên viên giám sát các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền	VT10.06.098	204
99	Trần Nguyễn Hà	My	08/07/1996	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.099	204
100	Nguyễn Yến	Ngọc	09/02/1992	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.100	204
101	Nguyễn Thị Thảo	Ngọc	03/11/2000	Nữ	VT09B - Chuyên viên thẩm định	VT09B.06.101	204
102	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	10/03/1991	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.102	204
103	Hoàng Thị Thùy	Nương	10/09/1999	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.103	204
104	Nguyễn Văn	Quyết	01/12/1995	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.104	204
105	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	15/05/1991	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.105	204
106	Phùng Quang	Thịnh	07/08/2000	Nam	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.106	204
107	Lê Thị Kiều	Trang	23/07/1997	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.107	204
108	Phan Huệ	Trình	12/12/1989	Nữ	VT09A - Chuyên viên thẩm định	VT09A.06.108	204
109	Cao Thị Tràng	An	02/09/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.109	205
110	Nguyễn Văn	Anh	26/09/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.110	205
111	Đỗ Thị Thái	Cầm	20/11/1998	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.111	205
112	Lê Linh	Chi	25/08/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.112	205
113	Thái Thu	Hà	12/05/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.113	205
114	Chu Thị Thu	Hiền	29/01/1994	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.114	205
115	Nguyễn Việt	Hùng	17/10/1996	Nam	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.115	205
116	Trần Thanh	Huyền	17/06/1995	Nữ	VT02 - Chuyên viên tổng hợp công tác Hội đồng thành viên	VT02.07.116	205
117	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	30/03/1996	Nữ	VT02 - Chuyên viên tổng hợp công tác Hội đồng thành viên	VT02.07.117	205
118	Nguyễn Thị	Linh	20/04/1997	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.118	205
119	Khuông Thị Thùy	Linh	27/02/1996	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.119	205
120	Lê Hoàng Khánh	Linh	08/12/1997	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.120	205
121	Phan Thúy	Ngọc	26/08/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.121	205
122	Tô Thị Ái	Như	16/04/1991	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.122	205
123	Nguyễn Thị	Phúc	18/02/1996	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.123	205
124	Nguyễn Hoàng Thu	Phương	18/03/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.124	205
125	Nguyễn Thị Liên	Phương	25/12/1998	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.125	205
126	Nguyễn Mai Ngọc	Quỳnh	19/09/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.126	205
127	Phạm Thị	Thom	20/08/1994	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.127	205

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
128	Hoàng Công	Thức	21/08/1997	Nam	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.128	205
129	Nguyễn Thị Thu	Thúy	04/08/1996	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.129	205
130	Dương Đức	Tiến	25/11/1998	Nam	VT02 - Chuyên viên tổng hợp công tác Hội đồng thành viên	VT02.07.130	205
131	Lê Thanh	Vân	06/02/1999	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.131	205
132	Nguyễn Thị Hồng	Vân	03/09/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.132	205
133	Lê Quốc	Việt	05/12/1991	Nam	VT02 - Chuyên viên tổng hợp công tác Hội đồng thành viên	VT02.07.133	205
134	Nguyễn Thị	Chuyên	01/02/1998	Nữ	VT17 - Chuyên viên Tuyên giáo, dân vận và Truyền thông nội bộ	VT17.08.134	205
135	Bùi Thị	Thơm	01/05/1997	Nữ	VT17 - Chuyên viên Tuyên giáo, dân vận và Truyền thông nội bộ	VT17.08.135	205
136	Trần Đức	Thành	01/11/1992	Nam	VT23 - Chuyên viên phòng Quản lý thi công	VT23.09.136	206
137	Lê Hải	Anh	11/11/1995	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.137	206
138	Nguyễn Thị Phương	Anh	22/03/1994	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.138	206
139	Dương Thị Ngọc	Ánh	19/02/1997	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.139	206
140	Đỗ Thu	Hà	11/04/2000	Nữ	VT02 - Chuyên viên tổng hợp công tác Hội đồng thành viên	VT02.07.140	206
141	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	16/09/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.141	206
142	Nguyễn Thị Minh	Hằng	30/11/1996	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.142	206
143	Phạm Thanh	Hoa	25/09/1994	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.143	206
144	Lưu Thị	Huyền	16/10/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.144	206
145	Lê Thị Minh	Khuê	18/07/2000	Nữ	VT02 - Chuyên viên tổng hợp công tác Hội đồng thành viên	VT02.07.145	206
146	Nguyễn Thạch	Lễ	13/08/1990	Nam	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.146	206
147	Khuất Duy	Lộc	30/08/1998	Nam	VT02 - Chuyên viên tổng hợp công tác Hội đồng thành viên	VT02.07.147	206
148	Phạm Ngọc Nguyệt	Minh	14/11/2000	Nữ	VT02 - Chuyên viên tổng hợp công tác Hội đồng thành viên	VT02.07.148	206
149	Dương Thị Huyền	My	31/08/1999	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.149	206
150	Đỗ Hà	My	01/02/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.150	206
151	Phan Thị Bao	Na	22/09/1995	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.151	206
152	Nguyễn Thị Thiên	Nga	22/09/1997	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.152	206
153	Chu Thị Như	Ngọc	22/08/1996	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.153	206
154	Đỗ Thị Hồng	Nhung	23/07/1999	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.154	206
155	Nguyễn Kim	Oanh	14/10/1997	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.155	206
156	Trần Phương	Thảo	27/06/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.156	206
157	Tăng Thị Hà	Trang	25/12/2000	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.157	206
158	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	13/02/1994	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.158	206
159	Phùng Thị	Vân	04/09/1994	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.159	206

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
160	Lê Kim	Yến	05/09/1993	Nữ	VT11 - Chuyên viên Ban Khách hàng cá nhân	VT11.07.160	206
161	Trần Văn	Anh	01/05/1995	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.161	207
162	Trần Thị Ngọc	Anh	29/09/2000	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.162	207
163	Vũ Minh	Anh	30/05/1998	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.163	207
164	Nguyễn Văn	Công	11/05/1993	Nam	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.164	207
165	Trần Thành	Công	02/10/2000	Nam	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.165	207
166	Nguyễn Linh	Đan	26/07/2000	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.166	207
167	Trần Thị Ngọc	Diệp	13/12/1997	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.167	207
168	Trần Thị Thu	Hà	25/10/2000	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.168	207
169	Lê Phương	Hoa	20/07/1993	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.169	207
170	Trần Thị Thu	Huệ	09/03/2000	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.170	207
171	Vũ Thị	Hương	10/08/1994	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.171	207
172	Nguyễn Thị Lan	Hương	16/07/1996	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.172	207
173	Nguyễn Thị Thanh	Hường	12/12/1988	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.173	207
174	Lê Quốc	Huy	31/08/1999	Nam	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.174	207
175	Trần Tùng	Lâm	13/05/2000	Nam	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.175	207
176	Lê Thị Minh	Nguyệt	05/07/2000	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.176	207
177	Khúc Thị	Nhung	10/11/1996	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.177	207
178	Phạm Thị	Thắm	31/03/1999	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.178	207
179	Nguyễn Quyết	Thắng	09/07/1997	Nam	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.179	207
180	Phạm Thị	Thi	20/09/1994	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.180	207
181	Lã Thị Phương	Thoa	28/11/1982	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.181	207
182	Nguyễn Thanh	Thủy	09/06/2000	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.182	207
183	Hoàng Ngọc	Trang	23/05/2000	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.183	207
184	Đào Đức	Việt	16/03/1992	Nam	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.184	207
185	Phạm Kim	Yên	04/12/2000	Nam	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.185	207
186	Vương Lê	Bình	20/03/2000	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.186	209
187	Vũ Thị Kim	Dung	22/10/1998	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.187	209
188	Luận Thị	Hà	14/04/1997	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.188	209
189	Tạ Thị Minh	Hằng	26/05/2000	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.189	209
190	Hoàng Thị	Hoan	09/11/1995	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.190	209
191	Lê Thị Cẩm	Huyền	01/09/1998	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.191	209

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
192	Lê Thị	Lan	30/10/1999	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.192	209
193	Nguyễn Nhật	Linh	22/07/1999	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.193	209
194	Bùi Thị Cẩm	Ninh	08/12/1996	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.194	209
195	Vũ Thị Thu	Phương	07/11/1998	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.195	209
196	Trần Thảo	Trang	26/01/1994	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.196	209
197	Đặng Thị	Vân	02/03/1992	Nữ	VT42 - Chuyên viên chăm sóc, hỗ trợ khách hàng	VT42.11.197	209
198	Nguyễn Linh	Chi	08/02/1995	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.198	209
199	Hoàng Thị Kiều	Chinh	29/11/1999	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.199	209
200	Trần Minh	Giang	25/11/1997	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.200	209
201	Nguyễn Thị Thu	Hà	02/02/1998	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.201	209
202	Thân Thị	Hạ	24/03/1998	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.202	209
203	Phạm Minh	Hằng	31/10/2000	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.203	209
204	Nguyễn Như	Hoài	13/10/1995	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.204	209
205	Mai Thị Thu	Hồng	15/10/1998	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.205	209
206	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	05/04/1997	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.206	209
207	Phí Hồng	Son	06/05/1997	Nam	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.207	209
208	Trần Thu	Trang	17/08/2000	Nữ	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.208	209
209	Dương Quang	Vinh	13/02/2000	Nam	VT07 - Chuyên viên Quan hệ khách hàng	VT07.10.209	209
210	Phùng Thị Hải	Yến	16/10/1996	Nữ	VT08 - Chuyên viên Phát triển sản phẩm	VT08.10.210	209
211	Đặng Mỹ	Linh	02/08/1997	Nữ	VT12 - Chuyên viên Phát triển dịch vụ Ngân hàng điện tử	VT12.12.211	209
212	Trần Thị	Lưu	05/05/1994	Nữ	VT12 - Chuyên viên Phát triển dịch vụ Ngân hàng điện tử	VT12.12.212	209
213	Ngô Kiều	Anh	15/09/2000	Nữ	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.213	301
214	Nguyễn Duy	Bình	15/10/1989	Nam	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.214	301
215	Vũ Tiến	Đạt	16/09/2000	Nam	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.215	301
216	Dương Khắc	Đông	15/10/1994	Nam	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.216	301
217	Lê Tùng	Dương	29/10/1997	Nam	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.217	301
218	Nguyễn Thị Thu	Giang	21/06/1984	Nữ	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.218	301
219	Nguyễn Thị Minh	Hằng	07/03/1999	Nữ	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.219	301
220	Đoàn Việt	Hoàn	25/01/1996	Nam	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.220	301
221	Vũ Mạnh	Hùng	18/08/1993	Nam	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.221	301
222	Nguyễn Thu	Hường	28/11/1999	Nữ	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.222	301
223	Phạm Phú	Khánh	30/11/1993	Nam	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.223	301

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
224	Nguyễn Quang	Lộc	07/08/1999	Nam	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.224	301
225	Vũ Giang	Nam	14/05/1994	Nam	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.225	301
226	Hoàng Hồng	Ngọc	01/01/1999	Nữ	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.226	301
227	Đặng Minh	Ngọc	16/09/1998	Nữ	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.227	301
228	Nguyễn Thị Minh	Phương	02/02/1989	Nữ	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.228	301
229	Nguyễn Thị	Quỳnh	23/02/1996	Nữ	VT04 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Tín dụng (TSC)	VT04.13.229	301
230	Nguyễn Tiến	Đạt	04/04/1995	Nam	VT05 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Xây dựng cơ bản (TSC)	VT05.14.230	301
231	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	22/04/1993	Nữ	VT03 - Chuyên viên Xây dựng cơ bản	VT03.14.231	301
232	Phạm Thanh	Hải	22/07/1998	Nam	VT03 - Chuyên viên Xây dựng cơ bản	VT03.14.232	301
233	Phạm	Hùng	26/01/1998	Nam	VT05 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Xây dựng cơ bản (TSC)	VT05.14.233	301
234	Nguyễn Quang	Huy	03/09/1995	Nam	VT05 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Xây dựng cơ bản (TSC)	VT05.14.234	301
235	Lê Thành	Long	17/08/1991	Nam	VT03 - Chuyên viên Xây dựng cơ bản	VT03.14.235	301
236	Vũ Mạnh	Phong	07/04/1987	Nam	VT05 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Xây dựng cơ bản (TSC)	VT05.14.236	301
237	Nguyễn Hữu	Thắng	28/04/1993	Nam	VT05 - Kiểm toán viên về lĩnh vực Xây dựng cơ bản (TSC)	VT05.14.237	301
238	Phạm Anh	Tuấn	18/09/1984	Nam	VT03 - Chuyên viên Xây dựng cơ bản	VT03.14.238	301
239	Cung Công	Đức	02/01/1995	Nam	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.239	302
240	Đặng Thị Ngọc	Dung	26/05/1999	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.240	302
241	Khổng Thùy	Dung	03/08/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.241	302
242	Phan Lê	Giang	20/03/1991	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.242	302
243	Trần Nguyễn Khánh	Hằng	01/09/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.243	302
244	Nguyễn Hồng	Hạnh	13/05/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.244	302
245	Nguyễn Thảo	Hiền	19/01/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.245	302
246	Vũ Nhật	Hương	06/10/1996	Nữ	VT01 - Chuyên viên tổng hợp công tác Đảng - Đoàn Thanh niên	VT01.15.246	302
247	Vũ Minh	Hường	01/12/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.247	302
248	Nguyễn An	Khải	10/03/1998	Nam	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.248	302
249	Lê Tiến	Lực	03/05/1992	Nam	VT33 - Chuyên viên quản lý nợ (Pháp chế)	VT33.15.249	302
250	Trần Thị	Mai	13/09/1996	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.250	302
251	Trịnh Thị Huyền	My	22/09/1999	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.251	302
252	Phùng Thị	Nga	20/09/1991	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.252	302
253	Nguyễn Phương	Ngân	05/06/1998	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.253	302
254	Dương Minh	Nguyệt	02/08/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.254	302
255	Nguyễn Thị	Phương	03/09/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.255	302
256	Hoàng Phương	Thảo	25/05/1999	Nữ	VT01 - Chuyên viên tổng hợp công tác Đảng - Đoàn Thanh niên	VT01.15.256	302
257	Lê Gia	Thịnh	02/10/1997	Nam	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.257	302
258	Hoàng Huyền	Trang	26/01/1998	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.258	302
259	Nguyễn Hồng Hà	Trang	14/06/1997	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.259	302
260	Trần Thị Việt	Trình	24/12/1999	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.260	302
261	Đỗ Hồng	Vân	23/08/1996	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.261	302
262	Hoàng Thế	Vinh	09/11/1998	Nam	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.262	302
263	Lê Hải	Yến	02/03/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.263	302
264	Vũ Minh	Châu	05/07/1999	Nam	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.264	303
265	Cao Văn	Đức	28/08/1993	Nam	VT33 - Chuyên viên quản lý nợ (Pháp chế)	VT33.15.265	303
266	Tổng Thị Phương	Dung	22/07/1994	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.266	303
267	Trịnh Thùy	Dương	08/03/1996	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.267	303

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
268	Trần Minh	Hà	01/05/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.268	303
269	Cao Thị Mai	Hiên	26/01/1991	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.269	303
270	Nguyễn Thị Khánh	Linh	01/01/1999	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.270	303
271	Hoàng Thị Quỳnh	Ly	24/03/2000	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.271	303
272	Phan Hồng	Ngọc	28/05/1997	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.272	303
273	Lưu Thục	Trình	09/10/1998	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.273	303
274	Phan Thị Thu	Uyên	31/10/1999	Nữ	VT06 - Chuyên viên Ban Pháp chế	VT06.15.274	303
275	Bùi Thị Mai	An	01/04/1991	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.275	303
276	Lã Diệu	Anh	19/09/1989	Nam	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.276	303
277	Nguyễn Tuấn	Anh	07/09/1987	Nam	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.277	303
278	Tô Thị Hồng	Hạnh	21/12/1993	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.278	303
279	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	25/08/1997	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.279	303
280	Mai Khánh	Huyền	20/11/1994	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.280	303
281	Trương Đình	Kiên	04/02/1997	Nam	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.281	303
282	Phạm Phương	Mai	15/02/1987	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.282	303
283	Bùi Thị	Ngân	31/05/1994	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.283	303
284	Nguyễn Thị	Nghĩa	28/11/1990	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.284	303
285	Đỗ Thị	Nhung	05/06/1986	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.285	303
286	Nguyễn Đức	Quân	07/07/2000	Nam	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.286	303
287	Hoàng Tổ	Quỳnh	15/03/1997	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.287	303
288	Hoàng Thị	Quỳnh	31/03/1996	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.288	303
289	Phạm Thị	Thom	05/11/1999	Nữ	VT26 - Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự	VT26.16.289	303
290	Trần Vũ Thu	Hương	20/11/1992	Nữ	VT25 - Chuyên viên Ban Chính sách Tín dụng	VT25.18.290	304
291	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15/06/1993	Nữ	VT25 - Chuyên viên Ban Chính sách Tín dụng	VT25.18.291	304
292	Nguyễn Thị	Quỳnh	28/07/1995	Nữ	VT25 - Chuyên viên Ban Chính sách Tín dụng	VT25.18.292	304
293	Bùi Phương	Thảo	22/05/1993	Nữ	VT25 - Chuyên viên Ban Chính sách Tín dụng	VT25.18.293	304
294	Nguyễn Hoàng	Thu	04/07/1987	Nữ	VT25 - Chuyên viên Ban Chính sách Tín dụng	VT25.18.294	304
295	Giảng Quý	Toàn	03/05/1994	Nam	VT25 - Chuyên viên Ban Chính sách Tín dụng	VT25.18.295	304
296	Ngô Thị Huyền	Trang	25/11/1995	Nữ	VT25 - Chuyên viên Ban Chính sách Tín dụng	VT25.18.296	304
297	Phạm Thị Vân	Anh	04/10/1998	Nữ	VT13 - Chuyên viên Chiến lược và tái cơ cấu	VT13.17.297	304
298	Phí Tiến	Đạt	03/10/1997	Nam	VT14 - Chuyên viên Kế hoạch và thống kê	VT14.17.298	304
299	Nguyễn Minh	Loan	05/07/1991	Nữ	VT14 - Chuyên viên Kế hoạch và thống kê	VT14.17.299	304
300	Nguyễn Thành	Long	06/10/1995	Nam	VT13 - Chuyên viên Chiến lược và tái cơ cấu	VT13.17.300	304
301	Cao Thị Thanh	Thùy	08/05/1988	Nữ	VT13 - Chuyên viên Chiến lược và tái cơ cấu	VT13.17.301	304
302	Vương Thị Vân	Trang	11/06/1996	Nữ	VT14 - Chuyên viên Kế hoạch và thống kê	VT14.17.302	304

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
303	Nguyễn Hà	An	03/10/1997	Nữ	VT18 - Chuyên viên Truyền thông và quan hệ công chúng	VT18.19.303	304
304	Giáp Thị Quỳnh	Anh	28/10/2000	Nữ	VT18 - Chuyên viên Truyền thông và quan hệ công chúng	VT18.19.304	304
305	Nguyễn Thị Phương	Anh	02/01/2000	Nữ	VT18 - Chuyên viên Truyền thông và quan hệ công chúng	VT18.19.305	304
306	Phạm Quang	Huy	05/01/1999	Nam	VT18 - Chuyên viên Truyền thông và quan hệ công chúng	VT18.19.306	304
307	Bùi Thị Phương	Liên	11/12/1988	Nữ	VT18 - Chuyên viên Truyền thông và quan hệ công chúng	VT18.19.307	304
308	Trương Thị Lê	Na	06/11/1987	Nữ	VT18 - Chuyên viên Truyền thông và quan hệ công chúng	VT18.19.308	304
309	Hồ Thị Minh	Nguyệt	03/08/1985	Nữ	VT18 - Chuyên viên Truyền thông và quan hệ công chúng	VT18.19.309	304
310	Phan Thị Lệ	Quỳnh	29/08/1990	Nữ	VT18 - Chuyên viên Truyền thông và quan hệ công chúng	VT18.19.310	304
311	Nguyễn Thanh	Tâm	02/04/1989	Nữ	VT19 - Chuyên viên Phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, quảng bá SPDV	VT19.19.311	304
312	Bùi Kim	Thi	01/09/1988	Nữ	VT19 - Chuyên viên Phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, quảng bá SPDV	VT19.19.312	304
313	Nông Thị Hoài	Thu	01/09/1995	Nữ	VT19 - Chuyên viên Phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, quảng bá SPDV	VT19.19.313	304
314	Nguyễn Thanh	Thùy	06/06/2000	Nữ	VT19 - Chuyên viên Phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, quảng bá SPDV	VT19.19.314	304
315	Nguyễn Thanh	Tùng	04/04/1985	Nam	VT18 - Chuyên viên Truyền thông và quan hệ công chúng	VT18.19.315	304
316	Nguyễn Thanh	Tuyền	15/09/1988	Nữ	VT19 - Chuyên viên Phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, quảng bá SPDV	VT19.19.316	304
317	Hà Tiến	Anh	25/07/1998	Nam	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.317	305
318	Hoàng Thị Ngọc	Anh	03/10/1997	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.318	305
319	Nguyễn Minh	Anh	13/02/2000	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.319	305
320	Trần Thị Quỳnh	Giang	23/12/1996	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.320	305
321	Trần Hương	Giang	28/03/1999	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.321	305
322	Phan Vũ Hồng	Giang	08/01/1998	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.322	305
323	Tạ Thị Thúy	Hà	13/11/1995	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.323	305
324	Nguyễn Thị Thu	Hằng	05/04/1995	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.324	305
325	Lê Thị Ánh	Hồng	24/02/2000	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.325	305
326	Đỗ Thị Phương	Huế	10/06/1994	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.326	305
327	Nguyễn Thị Phương	Liên	13/06/1993	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.327	305
328	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/09/1999	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.328	305
329	Đặng Thị Hương	Ly	02/10/2000	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.329	305
330	Hoàng Thị Bích	Ngọc	21/03/2000	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.330	305
331	Trần Minh	Nguyệt	18/12/2000	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.331	305
332	Lê Thị Thanh	Nhân	05/06/2000	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.332	305

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã vị trí	Số báo danh	Phòng thi
333	Đặng Thị Thương	Nhi	26/09/1994	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.333	305
334	Trần Minh	Phúc	06/09/2000	Nam	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.334	305
335	Nguyễn Thảo	Phương	15/02/1995	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.335	305
336	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	13/09/1994	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.336	305
337	Hà Thị Thanh	Thư	16/06/1994	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.337	305
338	Mai Thị	Trang	01/04/1998	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.338	305
339	Đinh Gia	Trung	27/12/2000	Nam	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.339	305
340	Lê Phạm Quỳnh	Vân	20/03/1994	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.340	305
341	Trần Thị Bảo	Vân	20/12/1999	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.341	305
342	Phạm Thị Ngọc	Vân	06/12/2000	Nữ	VT34 - Chuyên viên Phòng Thanh toán	VT34.20.342	305
343	Nguyễn Thị Thảo	Vân	29/11/2000	Nữ	VT36 - Chuyên viên Phòng Quản lý TK Nostro & Vostro	VT36.20.343	305

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG TRỤ SỞ CHÍNH

**SƠ ĐỒ PHÒNG THI CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ
KỲ THI TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG TRỤ SỞ CHÍNH NĂM 2022**

Ngày 17 tháng 9 năm 2022

Số phòng	Tên môn thi	Mã môn thi	Số thí sinh từng môn	Tổng thí sinh trong phòng
201	Quản trị ngân hàng thương mại	01	20	25
	Quản trị rủi ro, Quản trị ngân hàng thương mại	02	5	
202	Phân tích tài chính doanh nghiệp	03	3	24
	Quản trị rủi ro tín dụng	04	9	
	Tài chính quốc tế	05	12	
203	Tín dụng	06	30	30
204	Tín dụng	06	29	29
205	Tài chính - Ngân hàng	07	25	27
	Xây dựng Đảng	08	2	
206	Tài chính - Ngân hàng	07	24	25
	Giám sát thi công xây dựng	09	1	
207	Marketing ngân hàng, tín dụng	10	25	25
209	Marketing ngân hàng, tín dụng	10	13	27
	Kỹ năng chăm sóc khách hàng	11	12	
	Ngân hàng điện tử	12	2	
210	PHÒNG HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG			
301	Kiểm toán, tín dụng	13	17	26
	Quản lý dự án đầu tư xây dựng	14	9	
302	Luật	15	25	25
303	Luật	15	11	26
	Pháp luật lao động, quản trị nhân lực	16	15	
304	Quản trị chiến lược, Quản trị ngân hàng	17	6	27
	Luật các tổ chức tín dụng và tín dụng	18	7	
	Truyền thông Marketing	19	14	
305	Kế toán ngân hàng	20	27	27
	Tổng			343